

Bản án số: 38/2025/HNGĐ- ST

Ngày 26 tháng 9 năm 2025

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia
đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh.

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành và bà Trần Thị Kim
Khuyên.*

*- Thư ký phiên toà: Bà Phan Minh Triều - Thư ký Toà án nhân dân khu vực
11-Phú Thọ.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ tham gia phiên
toà: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.*

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2025/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21 /2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1989 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã T, tỉnh Hưng Yên.

2, Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 25/7/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ ngày 16/10/2009. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ). Sau khi cưới chị N về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh Đ, đến năm 2011 thì gia đình cho vợ chồng làm ăn riêng. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, chị về nhà mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Tháng 02/2025 chị đã làm đơn xin ly hôn sau đó chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng không cải thiện được tình cảm. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa

án giải quyết cho được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 23/5/2011 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 23/8/2014, hiện nay hai con đang ở cùng chị N. Ly hôn chị N xin nuôi cả hai không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ, Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa làm việc nên không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2025 bà Vũ Thị P là mẹ anh Đ trình bày: Bà kết hôn cho anh Đ lấy chị N năm 2009. Sau khi kết hôn chị N về làm dâu và chung sống cùng gia đình bà, được 02 năm thì gia đình cho vợ chồng làm ăn riêng nhưng vẫn ở tại nhà đất của gia đình bà, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà không biết nhưng chị N nói với bà là vợ chồng không chung sống cùng nhau được, vợ chồng ly thân từ khoảng năm 2020 đến nay. Chị N xin ly hôn anh Đ tùy anh chị quyết định, bà có hỏi anh Đ việc chị N xin ly hôn thì anh Đ nói đồng ý. Về con chung của vợ chồng như chị N trình bày là đúng. Ly hôn bà đề nghị giải quyết theo pháp luật, về tài sản, công nợ, công sức bà không biết. Hiện nay anh Đ vẫn ở cùng gia đình bà, anh đi làm ở đâu bà cũng không biết những lần Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và gửi giấy triệu tập của Tòa án cho anh Đ, bà đều thông báo cho anh Đ biết nhưng anh Đ bận đi làm xa nên không đến Tòa án làm việc, anh Đ có biết việc chị N xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn nên không về Tòa làm việc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2025 cháu Nguyễn Anh T trình bày: Cháu là con bố Đ mẹ N, cháu vừa học xong lớp 8 trường tiểu học H1, tỉnh Phú Thọ, bố mẹ cháu mâu thuẫn như thế nào cháu không rõ, bố cháu hiện nay đi làm vắng nhà, địa chỉ ở đâu cháu không rõ, hiện nay cháu đang ở cùng mẹ, nguyện vọng của cháu mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở cùng mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2025 cháu Nguyễn Huy H trình bày: Cháu là con bố Đ mẹ N, cháu vừa học xong lớp 5 trường tiểu học H1, tỉnh Phú Thọ, bố mẹ cháu mâu thuẫn như thế nào cháu không rõ, bố cháu hiện nay đi làm vắng nhà, địa chỉ ở đâu cháu không rõ, hiện nay cháu đang ở cùng mẹ, nguyện vọng của cháu mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Phú Thọ phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị N trực tiếp nuôi hai con, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài

sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có quan điểm, anh Đ vắng mặt nên không xem xét. Về án phí chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Đ, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã H, tỉnh Phú Thọ. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Ngày 25/7/2025 chị Trần Thị N có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tố tụng: Chị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa Trần Thị N và anh Nguyễn Văn Đ là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ. Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị N, anh Đ chỉ có thời gian ngắn hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị N là do vợ chồng bất đồng quan điểm chị N đã về nhà mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh Đ. Xác minh tại địa phương xã H thể hiện anh Đ đi làm xa thời gian dài dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh Đ Tòa án báo gọi nhiều lần không đến Tòa làm việc không biết quan điểm ra sao điều đó thể hiện anh Đ không mong muốn đoàn tụ. Lời khai hai con anh Đ cũng thể hiện anh Đ đi làm vắng nhà. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị N xin ly hôn là có căn cứ, vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Xét đề nghị của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị N. Anh Đ không đến Tòa không biết quan điểm ra sao vì vậy cần giao cho chị N nuôi cả hai con cũng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Chị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đ không đến Tòa

không biết quan điểm ra sao nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào anh Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng việc kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 23/5/2011 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 23/8/2014, cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi lao động tự túc được, (hiện nay hai con đang ở cùng chị N). Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E số 0000808 ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11- Phú Thọ;
- Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã H (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh

